TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 11-Phòng Đầu tư, môi trường

Tháng 1 năm 2020

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	BHTT	Phí ở chung cư	Tiền ăn DV	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**48**		**26.381.513**	**18**	**4.968.923**		**0,30**	**447.000**	**31.797.436**	**1.722.700**	**323.200**	**215.600**	**318.000**	**165.000**	**400.000**			**650.791**	**3.795.291**	**28.002.145**	
1	HL-00081	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng phòng	9.010.000	16	A	10.129.611	6	2.079.231				12.208.842	720.900	135.200	90.200	122.100	55.000				376.994	1.500.394	10.708.448	
2	HL-00469	Phạm Văn Đại	Phó phòng	6.261.000	16	A	8.125.951	6	1.444.846		0,30	447.000	10.017.797	500.900	94.000	62.700	100.200	55.000	200.000			273.797	1.286.597	8.731.200	
3	HL-00155	Vũ Văn Quyết	Phó phòng	6.261.000	16	A	8.125.951	6	1.444.846				9.570.797	500.900	94.000	62.700	95.700	55.000	200.000				1.008.300	8.562.497	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**160**		**57.883.485**	**60**	**12.952.614**	**43.482**			**70.879.581**	**4.490.700**	**842.400**	**562.000**	**708.800**	**550.000**	**1.400.000**	**879.500**	**208.000**	**7.521**	**9.648.921**	**61.230.660**	
4	HL-01941	Vũ Quang Đức	Chuyên viên	6.264.000	16	A	6.678.864	6	1.445.538				8.124.402	501.200	94.000	62.700	81.200	55.000					794.100	7.330.302	
5	HL-00095	Nguyễn Văn Thành	Chuyên viên	5.411.000	16	A	6.678.864	6	1.248.692				7.927.556	432.900	81.200	54.200	79.300	55.000					702.600	7.224.956	
6	HL-00119	Dương Hồng Phương	Chuyên viên	5.966.000	16	A	5.565.720	6	1.376.769				6.942.489	477.300	89.500	59.700	69.400	55.000	200.000				950.900	5.991.589	
7	HL-07075	Phạm Thanh Tùng	Chuyên viên	5.154.000	16	A	5.565.720	6	1.189.385				6.755.105	412.400	77.400	51.600	67.600	55.000	200.000	206.000	208.000		1.278.000	5.477.105	
8	HL-00149	Phạm Văn Son	Chuyên viên	5.682.000	16	A	5.565.720	6	1.311.231				6.876.951	454.600	85.300	56.900	68.800	55.000	200.000	278.000			1.198.600	5.678.351	
9	HL-00709	Lã Tuấn Anh	Chuyên viên	5.411.000	16	A	5.565.720	6	1.248.692				6.814.412	432.900	81.200	54.200	68.100	55.000	200.000				891.400	5.923.012	
10	HL-02217	Nguyễn Văn Hậu	Chuyên viên	5.411.000	16	A	5.565.720	6	1.248.692				6.814.412	432.900	81.200	54.200	68.100	55.000					691.400	6.123.012	
11	HL-04798	Nguyễn Quang Danh	Chuyên viên	5.154.000	16	A	5.565.720	6	1.189.385				6.755.105	412.400	77.400	51.600	67.600	55.000	200.000	395.500			1.259.500	5.495.605	
12	HL-00165	Phạm Trường Huy	Chuyên viên	6.264.000	16	A	5.565.720	6	1.445.538				7.011.258	501.200	94.000	62.700	70.100	55.000	200.000				983.000	6.028.258	
13	HL-01231	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Chuyên viên	5.411.000	16	A	5.565.717	6	1.248.692	43.482			6.857.891	432.900	81.200	54.200	68.600	55.000	200.000			7.521	899.421	5.958.470	
Tổng cộng					**208**		**84.264.998**	**78**	**17.921.537**	**43.482**	**0,30**	**447.000**	**102.677.017**	**6.213.400**	**1.165.600**	**777.600**	**1.026.800**	**715.000**	**1.800.000**	**879.500**	**208.000**	**658.312**	**13.444.212**	**89.232.805**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 2 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**